

SỐ 1563

LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẠNG HIỂN TÔNG

Tác giả: Tôn giả Chúng Hiền.

Hán dịch: Tam Tạng Pháp sư Huyền Tráng Đời Đường

QUYỂN 1

Phẩm 1: PHẨM TỰA

*Chẳng phải ít công có thể hiểu
Vì tóm văn rộng, khiến dễ rõ
Các hữu khắp đối với các pháp
Khó biết rõ cộng, tự tướng
Duy người có thể hiểu không làm
Là Nhất thiết trí con kính lễ.
Con dùng lời nói rộng thuận lý
Đối phá tông khác, hiển nghĩa gốc
Như lời kinh chủ, thuận lý giáo
Nên tùy ẩn thuật không cầu khác.
Hơi trái diệu chỉ Đối pháp, Kinh
Chắc chắn xét tìm, thể trừ bỏ
Đã nói tên luận: Thuận Chánh Lý
Người ưa tư duy, nên chọn học.
Câu, văn, diễn đạt cách khó tìm
Nên soạn luận lược, gọi Hiển tông.
Vẫn giữ tụng kia làm quy hướng*

*Bỏ trong thuận lý rộng quyết chọn
 Đối sai lầm ấy giải thích đúng
 Hiện bày nghĩa chân diệu tông này.*

Luận chép: Đã không phải Biến trí, sao có thể biết? Phật, Thế tôn này là đấng Nhất thiết trí có thể biết rõ không lầm cộng tướng tự tướng rất là khó biết của các pháp? Mặc dù không phải biết khắp, nhưng cũng có thể biết. Giống như tu hành theo lời dạy của Phật thì nhất định được quả. Như người có trí, khéo xem xét thuốc hay, như thế gian có thầy thuốc, trước xem xét nguồn gốc đã khởi bệnh phong, nhiệt, đàm, v.v... của người bệnh. Lại, quán như thật hai thể: tánh và tập, qua đủ loại thứ năm, giờ, xứ, v.v... khác nhau. Vì muốn dứt trừ, nên nói trao cho phương thuốc. Các người bị bệnh hoạn, có thể thuận theo uống thuốc, bệnh lâu sẽ dứt trừ dần, thân ngày càng thêm yên ổn. Người trí tìm tòi, thể nghiệm, biết thật là thuốc hay, có Biến trí thanh tịnh đối với các phương thuốc. Cũng vậy, Đức Thế Tôn đã biết nguyên nhân của bệnh phiền não tham, giận, si, v.v... của các chúng sinh được giáo hóa. Lại, quán như thật về bản tánh tu tập hai hạt giống thiện, thắng giải về tùy miên. Và người trí kia có khả năng tự viên mãn, v.v... vì muốn cho tùy miên ấy liền được dứt hẳn, nên nói trao cho phương thuốc của hai đạo hàng phục diệt trừ. Các người được hóa độ có thể thuận theo uống thuốc, hoặc riêng, hoặc chung, đạo đối trị các chứng bệnh phiền não đã thực hành lâu bền từ vô thủy được trừ bỏ dần dần. Tham, v.v... được trừ dứt, ở trong tự thân thuận theo đạo cạn, sâu, càng vượt hơn thêm gấp bội.

Do đó, kính xét biết bậc Đại sư của ta, đã diệt tất cả sự mờ tối, có Nhất thiết trí, nên người tán tụng khen ngợi Phật rằng:

*Ai như Thế tôn khéo phân biệt
 Cảnh giới, tùy miên cộng tự tướng
 Các phẩm loại vô lượng vô biên
 Như thích hợp nói lợi hữu tình.
 Ai có thể dần thuận tu hành
 Không được thành lợi lạc thù thắng
 Không trí chẳng thể thuận Thánh giáo
 Lẽ nào không nghiệm ở Như lai.*

Có người tăng thượng mạn suy nghĩ cho rằng: Phật không phải bậc Nhất thiết trí. Vì đối với một số điều thỉnh hỏi, Như Lai có cách trả lời rất dị biệt. Như nói: “Điều này không nên ghi nhận”. Cách trả lời dị biệt như thế là do Phật không biết. Lại đối với các vấn đề đời trước,

nói không thể biết, điều này càng chứng tỏ Phật không biết. Lại không biết trước việc của Tôn-đà-lợi khiến cho bè nhóm của vị ấy mặc tình gây ác. Lại như Bà-la-môn nữ Chiến-già nhục mạ, Phật cũng không tránh được.

Lại, ở trước Phật đã hứa cho Đề-bà-đạt-đa xuất gia trong pháp Phật.

Lại, đối với ngoại đạo Ốt-đạt-lạc-ca, trước vì Phật tự không biết mạng mình còn, mất. Lại, Phật không dự định ở thành Ba-trá-ly, sẽ có sự nạn như thế xảy ra. Lại, Phật không huyền ký từ trong pháp Phật, sẽ có mười tám bộ chấp khác nhau. Lại, Phật vì nói các nghiệp có bất định, nên ngoại đạo mới có lời chê bai, lược nói như thế.

Các ngoại đạo kia tâm thường cố chấp. Bạc Nhất thiết trí dù đã lập ra đủ các phương tiện khéo léo để hóa độ dẫn dắt, nhưng vẫn chưa thể khiến họ đối với bậc Chánh Đẳng Giác sinh tín giải thanh tịnh. Vì phải người có đầy đủ phước tuệ thù thắng tìm chân lý mới có khả năng đo lường biển Nhất thiết trí.

Nay, tôi phát tâm mạnh mẽ, tinh tuệ, thật sự siêng năng thuận theo đúng như lý với chút ít khai ngộ.

Nói: Phật đối với một số lời thỉnh hỏi đã trả lời dị biệt, như nói “điều này không nên ghi nhận” đó là do Phật không biết, thì vấn nạn này không đúng, vì nhân đã lập kia không chắc chắn. Vả lại, nên xem xét tường tận Phật, Thế tôn đối với lời thưa hỏi, là do không biết nên nói: “Không nên ghi nhận”, hay vì Phật xét thấy người hỏi có tâm kiêu mạn, ngầm cho là thông minh, không thể nhanh chóng khiến cho tin hiểu đúng như lý, nên dù Phật hiểu rõ, nhưng không đáp lời họ. Như có kẻ giả vờ hỏi: Các con của gái bất dục (thạch nữ) là đen hay trắng? Cuối cùng không đáp. Đâu có cách khác mới có thể đuổi người hỏi đi nhanh được!

Như ngoại đạo chấp ngã là chân, giả vờ hỏi: “Như lai sau khi diệt độ, là có hay không?”

Đức Thế tôn bảo: “Điều này chẳng đáng quan tâm”

Ý Phật nói, Ngã thật không có, vì thế không cần phân biệt giải đáp. Điều này chỉ rõ, nếu các pháp đều không có thật, thì không nên đặt câu hỏi khác nhau trong đó. Hoặc Phật, Thế tôn đã khéo tạo phương tiện, vì khiến điều phục, nên không đáp lời họ. Ở đây, không vì họ đáp là nhân của sự điều phục, chẳng phải do không biết mà nêu ra lời đáp dị biệt.

Lại càng không nên cho rằng Đức Phật không có biện tài. Vì câu

hỏi của ngoại đạo kia đã không thuộc nội dung luận đạo, nếu nội dung hỏi về luận đạo mà Phật không đáp thì có thể là không có biện tài. Trong đây chẳng có một chút nào hỏi đúng lý, sao lại cho Phật không có biện tài? Lại, người nghe pháp, vì tâm không ân cần, vì chấp ngã kiến, vì căn cơ chưa thành thực, Đức Thế tôn không có phương pháp nào giúp họ tin hiểu, nên đã gác qua câu hỏi của họ mà không đáp. Vì thế, không nên lấy việc không đáp những gì ngoại đạo hỏi mà cho là Đấng Đại Tiên không phải Nhất thiết trí.

Nói: không thể biết giới hạn đầu tiên, tự biểu thị rõ là người vô tri thì điều này cũng phi lý. Vì chẳng có pháp thì không thích hợp làm cảnh của trí, đối với cảnh của pháp có mà nếu trí chẳng sinh thì có thể cho là Như lai không phải bậc Nhất thiết trí, nhưng vốn không có giới hạn đầu tiên, thì trí nhận biết ở đâu? Vì chẳng có nên không biết, lẽ nào thành không có trí? Nếu như vậy thì sao không chỉ gọi là không có? Đây nói không chấp nhận có nhân lập lại, nếu cho là phải lập nguyên nhân không thể biết, thì không đúng lý, vì không phải quyết định. Hoặc pháp dù có nhưng thiếu duyên nên không biết, vì thế không thể biết, chẳng phải không có tánh nhân. Hoặc lập tánh không có làm nhân không biết, thì rốt ráo cũng không thể làm dẫn dụ chung, vì chấp nhận có nhân, nên nói không thể biết. Nếu cho rằng không có nhân, sẽ không thành lỗi, điều này không đúng lý, vì không phải điều đó không thành. Vì bờ mé đầu tiên của sự sinh tử, nếu chắc chắn chẳng phải không có, thì thân của bờ mé đầu tiên sẽ không, là không có nhân mà khởi. Và nếu đầu tiên không có nhân, thì về sau cũng phải không có, vì thân trước, sau không có nhân khác. Nếu thừa nhận như vậy, thì các nghiệp tịnh, bất tịnh đã hiện hành, lẽ ra đều không có quả?

Đã không cho rằng như vậy, thì bờ mé đầu tiên đã lập ở trước là không có, và chẳng phải không thành nhân. Nếu cho rằng sinh tử không có bờ mé đầu tiên, nên phải như hư không. Không có bờ mé sau thì cũng không đúng, vì đồng với hạt giống bên ngoài, như lúa mì bên ngoài, nhân sau, sinh trước. Mặc dù không có bờ mé đầu tiên, nhưng gặp lửa, gỗ, v.v... với các duyên đốt cháy thì hoại diệt hoàn toàn.

Nghiệp nhân phiền não, sinh tử như thế đều lần lượt sinh nhau. Dù không có bờ mé đầu tiên, nhưng do thường huân tập năng lực đối trị tham, giận, si, v.v..., nên các uẩn sinh tử sẽ không bao giờ sinh, tức là bờ mé sau, vì vắng lặng bất sinh nên bờ mé sau có thể bất sinh tử, có sinh há sẽ không có pháp sinh hiện thấy của bờ mé sau, khi chắc chắn nói chung, sinh tử đã sinh, về lý, sẽ phải trở về với diệt, nên đối với bờ

mé đầu tiên Phật gọi là: “Không thể biết”, vì không có, nên làm nhân, thì nghĩa ấy khéo lập.

Chính vì vậy, không nên lấy việc không biết bờ mé đầu tiên mà cho rằng Phật, Thế tôn không phải bậc Nhất thiết trí.

Nói Phật không biết trước nhân duyên Tôn-đà-lợi và mặc cho bè nhóm của vị ấy gây ra các việc ác, điều này cũng phi lý, vì mặc dù biết trước, nhưng vì tránh nhiều lỗi, nên không tự bày tỏ. Nếu Phật nói trước: “Ta không có việc này”, vì việc ấy tự là người khác, tức làm cho bè nhóm của cô ta càng tăng thêm dữ dội tâm xấu ác. Các kẻ đứng giữa đều sẽ có chung hoài nghi: như thế thì tội lỗi là do Phật hay do người kia? Lại pháp của bậc Đại nhân không rêu rao lỗi người, Phật là bậc đại nhân, lẽ đâu nêu lên sự xấu ác của kẻ khác? Lại vạch rõ việc ác của cô ta, khiến cho vô lượng người oán ghét, là trái với Thế tôn, làm chướng ngại họ đến với chánh pháp. Lại, Đức Phật quán thấy thân mình, thân người có định nghiệp chiêu cảm sự hủy báng chết yểu, sống lâu. Lại, vì để mở bày, an ủi Bí-sô đời sau cùng, như Phật quán chánh pháp thế gian đương lai sắp ẩn mất, chúng học rộng giữ giới đều mong mỗi ở Bí-sô, ít có ai không bị sự hủy báng mà chết. Vì muốn cho họ tự an ủi, như nói: “Đấng Đại Tiên của ta, tất cả lỗi của phiền não, tập khí đều đã nhỏ hẳn tận gốc rễ, với danh tiếng được đồn khắp đến cõi Sắc Cứu Cánh, còn bị chê bai, hướng chi ta là người nào, nhân tâm này mà yên ổn tu các nghiệp thiện”.

Do quán như thế, chắc chắn về được, mất. Cho nên Đức Thế tôn không tự bày tỏ trước. Lại, qua bảy ngày, việc kia tự phô bày, chứng tỏ Phật, Thế tôn là cao thượng, vượt quá ngoại đạo. Cho nên chẳng phải vì Phật không tự biểu lộ nhân của mình mà cho rằng Phật, Thế tôn không phải bậc Nhất thiết trí, tức là do đó, nên biết đã giải thích.

Không tự vạch ra lỗi, khiến trách Bà-la-môn Chiến-già chê bai nhân, sở dĩ Phật hứa cho Đề-bà-đạt-đa được xuất gia trong pháp Phật, việc này có ý sâu xa: Phật quán Đề-bà-đạt-đa kia, nếu không xuất gia thì chắc chắn sẽ làm vua Chuyển Luân Có sức mạnh, sẽ giết hại vô lượng người, diệt hoại pháp Phật, bị rơi vào đường ác, khó có lúc nào ra khỏi.

Do độ xuất gia để gieo trồng sâu gốc thiện, vì nếu không phải người xuất gia, thì không có khả năng gieo trồng. Vì giữ gìn cho nhiều người không để họ bị sự tổn hại, và vì để ngăn ngừa mọi điều ác, nên Phật đã cho phép xuất gia.

Nói Phật đối với ngoại đạo Ôt-đạt-lạc-ca, trước đã tự không biết

mạng mình còn, mất, điều này cũng phi lý, vì nhớ nghĩ tức là biết, không phải vào lúc cảnh khác sinh nhận biết khác, tức biết rõ cảnh được nhận biết còn lại. Tâm Phật trước hết ở trong sự nói pháp, chưa quán sát sự còn, mất của mạng người kia, về sau, khi muốn biết, vừa khởi tâm thì sẽ biết như thật, cho rằng mạng của người kia không còn. Nếu muốn biết người kia mà không thể biết được, thì có thể cho rằng Như lai không phải Nhất thiết trí vì tâm thuộc về cảnh khác, cảnh này tâm chưa duyên, lại cho là không biết, đây là lời nói không đúng.

Nói Đức Phật không dự định trước nơi thành Ba-trá-ly sẽ có việc tai nạn như thế xảy ra, cũng không đúng, vì sự định mật, trước phải bí mật, ý nói: Nếu thoát khỏi cảnh khác, thì cảnh khác lại bị tổn hại do cảnh khác, rồi cho rằng Phật đã biết trước, nếu bảo vệ cảnh khác, thì cảnh đó sẽ cũng sẽ bị tổn hại do cảnh khác. Trong ba việc tai nạn, mỗi tai nạn đều khiến cho tự phòng hộ, đối tượng khác không thể gây tổn hại, nên mật ý nói.

Sự kiện này tức dự định việc tai nạn sắp xảy ra là lẽ sẽ, sao cho rằng Đức Thế tôn không phải bậc Nhất thiết trí?

Nói Phật không huyền ký từ trong pháp Phật sẽ có mười tám bộ chấp khác nhau, điều này cũng phi lý, vì đã huyền ký, như nói: “thế gian Đương lai sẽ có chúng Bí-sô không khéo hiểu rõ nghĩa ta nói, chấp giữ cục bộ, xảy ra cạnh tranh, chê bai lẫn nhau”.

Ở đây, Đức Thế tôn đã lược nói hai thứ phòng hộ trong, ngoài. Trong: là nên như nói khác, nói lớn, là kế kinh đã quán sát rõ việc giữ gìn. Ngoài là nên như sáu pháp đáng yêu, kế kinh đã nói sự bó buộc, thâm giữ, ngăn ngừa.

Lại, thấy trong Kế kinh Tập Pháp nói: Trong pháp của ta, sẽ có dị nói, đó là có nói chỉ định Kim Cương dụ mới có khả năng dứt trừ tức khắc phiền não. Hoặc nói hai pháp Niết-bàn, trạch diệt làm thể. Hoặc nói: Bất tương ứng hành không có vật thật khác. Hoặc nói: Nghiệp biểu còn không có, hưởng chi là nghiệp vô biểu. Hoặc nói: Tất các sắc pháp, đại chủng làm thể. Hoặc nói: Trước sau giống nhau, là nhân đồng loại. Hoặc nói: Xứ sắc chỉ dùng “hiển sắc” làm thể. Hoặc nói: Xứ xúc chỉ dùng đại chủng làm thể. Hoặc nói: Chỉ có xứ xúc là có đối ngại. Hoặc nói: Chỉ có xúc xứ, thân xứ là có đối ngại. Hoặc nói: Chỉ có năm xứ ngoài là có đối ngại. Hoặc nói: Nhân thức có công năng thấy. Hoặc nói: Hòa hợp có công năng thấy. Hoặc nói: Giới ý, giới pháp đều có thường, vô thường. Hoặc thuyết minh: Tất cả sắc pháp không phải sát-na diệt. Hoặc nói: Bất tương ứng hành có nhiều thời gian trụ. Hoặc nói: Định Vô

tưởng, diệt, đều có tâm hiện hữu. Hoặc nói: duyên Đẳng Vô gián cũng có cả sắc pháp. Hoặc nói: Tất cả sắc pháp không có nhân đồng loại. Hoặc nói: Sắc của dị thực sinh dứt rồi, lại nối tiếp. Hoặc nói: Bàn sinh, ngạ quỷ, cõi trời cũng được giới biệt giải thoát. Hoặc nói: Tâm không có nhiễm ô, cũng được nối tiếp sinh. Hoặc nói: Tất cả sự sinh nối tiếp, đều do ái, giận. Hoặc nói: Luật nghi, không luật nghi, chia ra thọ, cũng toàn phần thọ. Hoặc nói: Bàn sinh, ngạ quỷ, có nghiệp Vô gián. Hoặc nói: Hai đạo Giải thoát, Vô gián, đều có khả năng dứt trừ các phiền não. Hoặc nói: Ý thức tương ứng với tuệ hữu lậu thiện, không phải đều là kiến. Hoặc nói: Hai kiến Thân, Biên đều là bất thiện, cũng duyên theo giới khác. Hoặc nói: Tất cả phiền não đều là bất thiện. Hoặc nói: Không có lạc, xả thọ. Hoặc nói: Chỉ không có xả thọ. Hoặc nói: Trong cõi Vô sắc, cũng có các sắc. Hoặc nói: trời Vô tưởng chết đi đều bị đọa vào đường ác. Hoặc nói: Tất cả hữu tình không có chết phi thời. Hoặc nói: Các tuệ vô lậu đều là tánh của trí kiến. Hoặc nói: Không có quá khứ, vị lai, tất cả hiện tại đều khác, khác mà nói. Hoặc nói: Sắc, tâm không phải làm nhân câu hữu lẫn nhau. Hoặc nói: Tất cả sắc căn của vị Yết-thích-lam đều đã được đủ. Hoặc nói: Các người được pháp Đảnh, đều không đọa vào đường ác. Hoặc nói: Các nghiệp thiện, ác đều có thể chuyển diệt. Hoặc nói: Các pháp vô vi thể không phải thật có. Hoặc nói: Các đạo thế gian không dứt trừ phiền não. Hoặc nói: Chỉ châu Thiệm-bộ có khả năng khởi trí nguyện vô tránh, vô ngại, và các lớp Tam-ma-địa. Hoặc nói: pháp Tâm, tâm sở cũng duyên theo cảnh không có.

Các sự tranh luận khác nhau như thế, đều nói lại chỗ chấp ấy, thường vượt qua nhiều ngàn, thầy trò kế thừa, độ hàng trăm ngàn chúng, vì các đạo, tục giải thích, khen ngợi, biểu dương.

Trong pháp Phật của ta, ở đời vị lai sẽ xảy ra các cuộc tranh luận như thế khác nhau, vì quyền lợi, vì danh dự, ghét nói, ghét chấp nhận, không chứng thật pháp, bày tỏ sự điên đảo! Tức ở ngay bộ này, trong quá khứ, hiện tại, đương lai, cũng có nhiều cuộc tranh luận khác nhau như thế.

Đức Thế tôn đã huyền ký rõ ràng như vậy, mà các đệ tử không đoái hoài đến lời bậc Thánh nói, đều chấp tông mình, chê bai lẫn nhau, lỗi ấy thuộc về đệ tử, lẽ đâu ở Đức Thế tôn? Không thể do đó mà hủy báng đáng Nhất thiết trí.

Nói các nghiệp có bất định cũng không đúng lý, vì có nghiệp này, nên chắc chắn phải thừa nhận có công năng chiêu cảm tánh của nghiệp

bất định nơi dị thực. Nếu nghiệp này không có thì người tu đạo, dứt Kết sẽ trở nên vô ích, vì tất cả nghiệp đều chắc chắn được quả. Không nên do các nhân đã nói ở đây, hoặc lại nhân khác mà hủy báng bậc Nhất thiết trí. Đức Thế tôn đã thành tựu công đức ít có không thể nghĩ bàn với danh tiếng cao rộng.

Sự hủy báng phi lý sẽ mắc tội vô biên, những người có trí đều nên tin Phật. Vì có đủ tất cả trí, nên trước tiên lễ kính.

Phẩm 2: NÓI VỀ BẢN SỰ
(Phần 1)

*Các Nhất thiết chủng, các mờ diệt
Vớt chúng sinh khỏi bùn sinh tử
Kính lễ Đại sư như lý như thế
Luận Đối Pháp Tạng, tôi sẽ nói.*

Luận chép: Nói chữ “Các” tuy là chung mà có cái riêng để quán sát. Quán sát cái riêng nào? Nghĩa là đức tự lợi, lợi tha cả hai đều viên mãn. Vì Trí Đoạn có đủ nên đức tự lợi đầy đủ. Vì Ân đức hoàn bị nên lợi tha đầy đủ. Đây là Đấng Nhất thiết trí có khả năng cứu vớt hữu tình, vì tất cả thứ u tối đều bị tiêu diệt hẳn, nên Trí đức viên mãn. Các cảnh giới mờ tối cũng bị diệt hẳn, nên Đoạn đức viên mãn. Truyền trao chánh pháp, tự tay cứu vớt chúng sinh ra khỏi vũng bùn sinh tử, nên Ân đức viên mãn. Thanh văn, Độc giác dù diệt các tối tăm, nhưng do nhiễm vô tri cuối cùng còn đoạn, không phải Nhất thiết chủng, vì thiếu khả năng diệt hẳn. Lại vì trí thù thắng bất nhiễm vô tri nên không có đủ tất cả trí mà không có khả năng cứu vớt hữu tình.

Tối tăm: Nghĩa là che mờ mắt, là có thể che mắt tịnh. Như thế, vì vô tri chướng ngại việc thấy rõ chân thật, làm mê hoặc, tối tăm hay che lấp các sắc tượng. Như thế, vì vô tri che lấp nghĩa thật, nên các hữu thù thắng khi đạo đối trị sinh làm cho sự che lấp không thể sinh khởi nên gọi là diệt, nghĩa là vì diệt tất cả phẩm nơi các cảnh mờ tối, nên nói: Nhất thiết chủng, các tối tăm diệt.

Cứu vớt chúng sinh ra khỏi vũng bùn sinh tử: Là do sự sinh tử kia là nơi các hữu tình đã bị đắm chìm từ vô thủy đến nay, vì khó có thể ra khỏi, nên ví như bùn, chúng sinh lặn hụp trong đó, không ai cứu vớt. Các hữu thành tựu trí khéo léo, đại bi, truyền trao, như nói ứng thuận, cứu vớt khiến ra khỏi.

Kính lễ Đại sư như lý như thế, là cúi đầu đủ pháp trước bậc có đức lợi mình, lợi người, là bậc Đại sư, có thể nói Thánh giáo đúng như lý. Vì trí, tùy miên, a-thế-da còn thiếu sót, nên Thanh văn, Độc giác không phải sư như lý, chỉ có Phật, Thế tôn gồm đủ đức như thế, nên trước được quán sát, dùng lời nói chung làm lưu thông chánh. Vị kia đã lập giáo, nên trước là khen ngợi, lễ thầy như lý giáo, dùng lời ca tụng, kính lễ, nhằm dứt trừ các chướng ác, nêu lên điểm lành rồi, bắt đầu soạn luận, nên nói: “Tôi sẽ nói Tạng Đối pháp”.

Sao gọi là Đối pháp?

Tụng chép:

*Tuệ tịnh tùy hành, gọi Đối pháp
Và hay được các tuệ luận này.*

Luận chép: Tịnh, là vô lậu. Tuệ, là trạch pháp. Tuệ tịnh này tức gồm nhiếp chung các tuệ căn vô lậu. Làm sao biết được chỉ có tuệ vô lậu gọi là Đối pháp? Vì Phật, Thế tôn mặc cho Thiên đế v.v... thưa hỏi, như Khế kinh nói: “Ta có A-tỳ-đạt-ma và Tỳ-nại-da rất sâu xa, tùy ý ông thưa hỏi”, là cho phép Thiên đế hỏi về Thánh đạo và nghĩa quả đã chứng của Thánh đạo này. Khế kinh Tứ Phật Tha loại cũng như vậy.

Lại nữa, vì sao chỉ có tuệ vô lậu, gọi là Đối pháp? Do hiện quán các pháp tướng ấy rồi không còn mê lầm lại. Há không là hiện quán đâu chỉ là công năng của tuệ? Vậy thì Đối pháp lẽ ra không phải chỉ là tuệ?

Vì đế lý của chánh giác gọi là hiện quán, nên dụng của hiện quán chỉ là tuệ, không phải pháp khác. Lại trong hiện quán, tuệ là vượt hơn hết, vì hội đủ ba công năng, nên chỉ có tuệ này gọi là Đối pháp. Song, Đối pháp này chẳng phải không đối đãi với pháp khác, nên tuệ tùy hành cũng gọi là Đối pháp, tức quyền thuộc của tuệ gọi là tùy hành.

Quyền thuộc là sao?

Nghĩa là tuệ tùy chuyển nơi các pháp tâm sở như sắc, thọ, tưởng, v.v... sinh, v.v... và tâm.

Như thế, nói chung năm uẩn vô lậu gọi là Đối pháp, đây là A-tỳ-đạt-ma thắng nghĩa.

Nếu nói A-tỳ-đạt-ma thế tục, thì có thể được các luận, các tuệ này. Đây gọi là các tuệ của tuệ căn vô lậu đã được lúc trước, nghĩa là có thể được ba tuệ thế gian, tức là văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ thù thắng của thế gian. Và tùy hành của tuệ kia dựa vào chỗ đạt được gần, xa, gọi là thứ lớp ba tuệ. Không phải là tuệ và tùy hành như thế, căn tuệ vô lậu có khả năng chứng đắc, vì có thể được phương tiện vượt hơn này, nên đồng với tuệ vô lậu, thọ nhận tên Đối pháp, như từ phương tiện của từ cũng gọi là Từ v.v...

Luận gọi là công năng chứng đắc. Các luận như Phát Trí, v.v... này cho là tư lương vượt hơn của tuệ vô lậu, nên cũng gọi là Đối pháp, như các nghĩa tư lương như lậu, v.v... của nghiệp dị thực, cũng gọi là nghiệp. Các tuệ trước nói cũng gồm nhiếp sinh đắc, chỉ tuệ sinh đắc mới có công năng tụng trì đúng luận Đối Pháp, nên cũng gọi là Đối pháp. Lẽ nào không cho luận này là tư lương cao quý của tuệ vô lậu cao siêu nên cũng gọi là Đối pháp. Sao là tên riêng Đối pháp? Tụng Câu Xá chép:

*Gồm nhiếp thắng nghĩa dựa vào đó
Đây lập Đối pháp, tên Câu Xá.*

Luận chép: Tạng, nghĩa là chắc thật như cây. Thật nghĩa của Tạng Đối Pháp đều thuộc về luận này. Luận này là kho chứa Đối pháp kia, tức là kho tàng thật nghĩa vững chắc của Đối pháp. Hoặc là chỗ nương tựa giống như Tạng dao, tức Đối pháp kia là chỗ dựa của luận này, dẫn đến nghĩa Đối pháp, gọi là soạn luận, nên luận này dùng Đối pháp làm tạng, tức dùng Đối pháp làm nghĩa nương dựa.

Người kia do đâu nói? Ai lại nói trước? Mặc dù không nên hỏi người nói Đối pháp, vì Phật dạy dựa vào pháp, không dựa vào người, nhưng vì mở bày nói nhân của Đối pháp, là người có khả năng nói luận kia, nên cũng phải biết rõ. Tụng rằng:

*Nếu lia trạch pháp, không pháp khác
Phương tiện thù thắng diệt các hoặc
Do hoặc, thế gian trôi biển hữu
Vì “tịch”, đại sư nói Đối pháp.*

Luận chép: Do lia trạch pháp, nên không có phương tiện vượt hơn, có công năng diệt các hoặc dẫn sinh khổ thế gian, nên Đức Thế tôn nói: “Nếu đối với một pháp chưa đạt, chưa biết, thì ta không bao giờ nói có công năng diệt hết khổ, vì thế gian chưa diệt trừ các phiền não, nên thường sinh tử luân hồi trong biển ba Hữu”.

Vì muốn cho thế gian tu tập trạch pháp, vắng lặng, dứt hẳn phiền não là sinh nhân của ba cõi, cho nên, trước Đại sư tự nói A-tỳ-đạt-ma. Nếu Đức Phật không nói, thì các đại Thanh văn như Tôn giả Xá-lợi-tử, v.v... cũng không có khả năng tư duy như lý đối với các pháp tướng. Tuy nhiên, Phật, Đại sư đã thuận theo kẻ được hóa độ, vì tính chất khác nhau nên đã nói tản mát nhiều chỗ.

Các bậc đại Thanh văn như Tôn giả Ca-đa-diễn-ni-tử đã dùng trí nguyện quán sát giáo pháp do Phật quá khứ nói, như những pháp ứng hợp xếp đặt qua kỳ Kết tập. Như Đại Tôn giả Ca-diếp-ba, v.v... đã cùng Kết tập luật và Khế kinh. Hai tạng Kinh, Luật theo văn Kết tập, chỉ tạng Đối pháp là thuận theo nghĩa mà Kết tập, như nói về các hữu để Kết tập về nghĩa. Đối với Luật và Kinh, thì Đối pháp kia là cao siêu, vì thuận theo Thánh giáo của Phật, Kết tập Đối pháp là luận được Đức Phật thừa nhận và được Phật đặt tên.

Thế nào là trạch pháp được tư duy? Đức Thế tôn đã dựa vào trạch pháp kia để nói Đối pháp? Tụng rằng:

Pháp hữu lậu, vô lậu

*Trừ đạo, hữu vi khác
 Đối lậu tùy tăng kia
 Nên gọi là hữu lậu.
 Vô lậu gọi Đạo đế
 Và ba thứ Vô vi
 Tức hai diệt, hư không
 Trong đó, không vô ngại.
 Trạch diệt là lìa buộc
 Theo buộc, sự đều riêng
 Rốt ráo ngại sẽ sinh
 Riêng được phi trạch diệt.*

Luận chép: Nói tất cả pháp, tóm tắt có hai thứ:

1. Hữu lậu.
2. Vô lậu.

Đây là nói chung, kế sẽ giải thích riêng. Trừ đạo Thánh đế, pháp hữu vi khác, đó gọi là hữu lậu.

Đây là thế nào? Nghĩa là sắc của năm thủ uẩn, cho đến thức, như nói: “Sao gọi là sắc thủ uẩn? Nghĩa là sắc hữu lậu thuận theo các thủ, nói rộng cho đến thức cũng như thế”.

Vì sao duyên với thủ uẩn gọi là hữu lậu? Vì lậu ở trong đó được tăng theo. Lậu lập trong các phiền não như thân kiến, v.v... gọi là tướng, khiến cho tâm nhiễm ô thường tiết lậu, nên tương ứng với lậu và vì lậu tăng theo cảnh giới lậu, nên gọi là lậu tùy tăng. (Về nghĩa tùy miên tùy tăng, về sau sẽ nói rộng).

Do đó nên biết đã ngăn tất cả, khác nhau với địa giới và vô lậu duyên tùy miên hữu lậu của cảnh giới phiền não. Vì hữu lậu kia, vô lậu này lần lượt không tùy tăng, nên không đối lập nhau.

Hai thứ như thế, gọi hữu lậu, vô lậu.

Lại có tướng gì? Như Đức Thế tôn nói: Pháp hữu lậu, là gọi tất cả sắc thuận theo các thủ, là khả năng tăng ích nghĩa các hữu thủ, nói rộng cho đến thức cũng vậy, trái với hữu lậu này là pháp vô lậu. Tướng sơ lược của hữu lậu, vô lậu là như thế. Hoặc hữu lậu, nghĩa là đọa thế gian, nếu xuất thế gian, gọi là vô lậu, thuộc về thế gian, gọi là đọa thế gian, nghĩa là ở thế gian, không ngoài. Vì y cứ vào thể của khổ đế để đặt danh từ thế gian, nên khế kinh nói: Ta sẽ vì ông nói về thế gian và tập thế gian.

Lại vì năm thủ uẩn, gọi là hữu lậu khổ, nên biết hữu lậu, gọi là đọa thế gian, đâu biết đọa thế gian đều là pháp hữu lậu. Như Đức Thế

tôn nói: Ta sẽ vì ông nói pháp hữu lậu và vô lậu. Pháp hữu lậu là tất cả các nhãn, tất cả các sắc, tất cả các nhãn thức, tất cả các nhãn xúc vì duyên bên trong được sinh, hoặc lạc thọ, hoặc khổ thọ, hoặc bất khổ, bất lạc thọ.

Như thế, cho đến ý đọa thế gian, pháp đọa thế gian, ý thức đọa thế gian, xúc ý đọa thế gian, nói rộng cho đến gọi là pháp hữu lậu.

Pháp vô lậu, là ý xuất thế gian, pháp xuất thế gian, ý thức xuất thế gian, ý xúc xuất thế gian, nói rộng cho đến gọi là pháp vô lậu.

Căn cứ vào Thánh giáo này và do chánh lý, nên biết được đọa thế gian đều là hữu lậu.

Đã nói về hữu lậu và nhân hữu lậu.

Thế nào là vô lậu?

Nghĩa là đạo Thánh đế và ba vô vi, gọi là vô lậu. Đạo Thánh đế, không phải năm uẩn như sắc hữu lậu, v.v.... Ba vô vi: tức hư không, trạch diệt, phi trạch diệt. Hư không, v.v... này và đạo Thánh đế, được gọi là nhân vô lậu.

Kế phần trước đã nói về đạo Thánh đế, sau sẽ nói rộng.

Nay lược nói trong ba vô vi, hư không chỉ lấy vô ngại làm tánh, ở đó, các pháp rốt ráo được biểu hiện rõ, vì không có chướng ngại làm tướng, nên gọi là hư không, nghĩa là các đại chủng và nhóm sắc tạo, tất cả đều không thể, che lấp khắp. Hoặc vì không phải đối tượng bị chướng ngại, cũng không phải chủ thể chướng ngại, nên gọi là hư không, không có chướng ngại làm tướng. Trạch diệt, tức dùng lìa trói buộc làm tánh. Trạch, nghĩa là siêng năng đúng như lý mà thành tuệ. Ở bốn Thánh đế, mỗi Thánh đế đều có hành tướng khác nhau, vì tư duy lựa chọn đúng như lý, nên gọi là Trạch.

Do lựa chọn mà được các pháp hữu lậu với tánh lìa hẳn trói buộc. Tánh này chắc chắn có công năng ngăn dứt các trói buộc được sinh, nên gọi là trạch diệt. Hoặc là có diệt mà không phải lìa trói buộc. Vì phân biệt pháp kia, nên gọi là ly hệ.

Có người nói rằng: Các pháp được dứt đều đồng một trạch diệt. Vì không có đồng loại, nên các Đại luận sư của A-tỳ-đạt-ma đều nói rằng: Tùy theo sự trói buộc khác nhau. Vì sao? Vì sự trói buộc này, nếu là một, thì tu đạo đối trị khác sẽ có lỗi vô dụng. Nếu các đối tượng dứt đều đồng chứng đắc một trạch diệt, thì khi khổ pháp trí nhãn đã dứt trừ phiền não diệt, phiền não khác diệt có phải sự chứng đắc hay không?

Nếu chứng đắc, thì việc tu đạo đối trị còn lại, sẽ hóa ra không có công dụng, còn nếu không chứng đắc, thì một vật chứng một ít, không

phải pháp khác, sẽ trái với lý, vì lỗi có phần, do đó, chắc chắn nên thừa nhận sự lia hệ tùy theo lượng của sự trói buộc, sẽ không trái với chánh lý.

Không có đồng loại, nghĩa là vì trạch diệt này tự không có nhân đồng loại, cũng không nhân khác nên trở ngại hẳn sẽ sinh, được phi trạch diệt. Trạch, tức như lý thành tuệ đã nói ở trước, nên do tuệ này có pháp ngăn dứt hẳn sự sinh của pháp vị lai, gọi là phi trạch diệt. Như mắt về ý, khi chuyên chú một sắc, thì các thanh, hương, vị, xúc, v.v... của sắc khác, niệm niệm dứt diệt đi qua, đối với phần ít sự sinh kia, xứ ý, xứ pháp được phi trạch diệt, do năm thức thân và một phần thân ý thức đều đối với cảnh đã diệt, không bao giờ thể sinh, vì duyên theo cảnh đều có. Do duyên của chỗ dựa đồng thời lệ thuộc với công dụng sinh ấy, nếu pháp có công năng trở ngại pháp kia, pháp kia sinh tác dụng, pháp này lia tuệ, chắc chắn sẽ trở ngại pháp kia khiến trụ ở vị lai, vì sẽ không bao giờ sinh, nên gọi là phi trạch diệt. Không phải chỉ duyên thiếu, là không bao giờ sinh, vì về sau, gặp duyên đồng loại, pháp ấy sẽ sinh. Nghĩa là nếu duyên trước thiếu, nên pháp kia không thể sinh. Sau gặp duyên đồng loại thì chướng ngại nào làm cho pháp không khởi? Trước đã nói trừ đạo, các pháp hữu vi khác, đó gọi là hữu lậu.

Thế nào gọi là hữu vi? Tụng rằng:

*Lại các pháp hữu vi
Tức năm uẩn như sắc....
Cũng Đường đời, Ngôn, Y
Có sự việc xa lia.*

Luận chép: Sự sai khác của các tai biến đột ngột như già, bệnh, chết, vì ẩn chứa, hao tổn, nếp phục, nên gọi là uẩn. Vì giới, v.v... riêng, nên nói sắc, v.v... năm uẩn như giới v.v... không thể thấu nhiếp đủ tất cả hữu vi. Năm uẩn như sắc v.v... gồm nhiếp đủ hữu vi, nên ở đây nói riêng. Hữu vi, nghĩa là các duyên chứa nhóm, cùng tạo tác. Vị lai chưa khởi, sao gọi là hữu vi? Như củi đã đốt là vì loại củi kia, nên các pháp bất sinh, không vượt qua loại kia, mặc dù không bao giờ khởi, nhưng vẫn nói hữu vi.

Trong nhiều kinh khác, Đức Thế tôn đã thuận theo nghĩa, gọi là đường thế gian... Lại là nghĩa thế nào? Nghĩa là các hữu vi cũng gọi là đường thế gian, vì pháp sinh, diệt của năm uẩn như sắc, v.v..., đều trôi lăn trong con đường quá khứ, hiện tại, vị lai. Hoặc vì bị vô thường ăn nuốt, nên gọi là đường thế gian. Các pháp bất sinh, vì các duyên thiếu, nên dù bất sinh nữa nhưng vì loại nên đặt tên không có lỗi. Các pháp

hữu vi cũng gọi là ngôn y. Ngôn, là ngôn âm (tiếng nói) hoặc gọi là năng nói, được gửi qua lời nói có chỗ xa, gần, gọi là y, tức nghĩa với danh, nói chung là y. Vì danh dựa vào nghĩa, ngôn (lời nói) lại dựa vào danh, cho nên, ngôn y gồm nhiếp chung danh nghĩa. Như vậy, vì danh, nghĩa gồm nhiếp đủ năm uẩn, nên khế kinh nói: Ngôn y có ba, không có bốn, không có năm.

Do đây, khéo giải thích Túc luận Phẩm Loại, luận ấy nói ngôn y thuộc về năm uẩn, y là nghĩa nhân, vì vô vi không có quả, nên chẳng phải ngôn y. Lại, nếu ba việc trong nhóm có thể được, như ngữ y vào nghĩa gọi là ngôn y, thì trong nhóm vô vi, chỉ có nghĩa đó, vì không có ngữ y, nên không gọi là ngôn y.

Có nói: Vô vi có y, có nghĩa, chỉ vì thiếu ngữ, nên không gọi là ngôn y. Lại, các hữu vi có nghĩa đều có khởi với tự thể, còn vô vi thì không như vậy.

Các pháp hữu vi cũng gọi có lìa. Lìa, nghĩa là lìa hẳn tức là Niết-bàn. Được rồi không trở lại, vì rơi vào sinh tử, vì có lìa sinh tử, nên gọi là có lìa. Như người có cửa, gọi là có cửa. Pháp này dù hữu vi, nhưng chẳng phải tất cả, do đạo vô lậu không có trạch diệt. Lại, vì khi Niết-bàn cũng xả Thánh đạo, nên gọi có lìa, vì nói Thánh đạo cũng như thuyền bè, vì cũng nên dứt, nên khế kinh nói: Pháp còn nên dứt, hướng chi là phi pháp?

Các pháp hữu vi cũng gọi hữu sự. Sự, nghĩa là đối tượng nương tựa, hoặc là đối tượng trụ, tức là nghĩa nhân. Quả nương vào nhân, vì từ nhân sinh, như con nương vào mẹ. Hoặc quả ở nhân, vì công năng che lấp nhân. Như người ở trên giường, là nghĩa nhân bị quả che lấp, vì nhân quả trước sau, và vì tính chất thô tế, vì ở đây Có sự, nên gọi là hữu sự, dụ như trước nói.

Các loại như thế, gọi là pháp hữu vi. Các danh khác nhau ở đây đã nêu trong pháp hữu vi. Tụng rằng:

*Hữu lậu, gọi thủ uẩn
Cũng gọi là hữu tránh
Và khổ, tập thế gian
Kiến xứ và ba hữu v.v...*

Luận chép: Trước đã nói trừ đạo, pháp hữu vi khác, gọi là hữu lậu.

Đã nói rõ về thể của hữu lậu, nay vì biểu thị rõ danh, tướng của hữu lậu khác nhau và vì nghĩa khác nhau, nên nói lại.

Đã nói tất cả hữu vi gọi là uẩn, nay nói hữu lậu, gọi là thủ uẩn.

Về nghĩa được y cứ ở vô lậu, chỉ được gọi là uẩn, chỉ lập thủ, danh, tướng trong các lậu, vì hay chấp lấy sinh của ba hữu. Hoặc vì hay cầm giữ, dẫn sinh nghiệp của hữu sau, nên các lậu kia, được gọi là thủ. Năm uẩn như sắc, v.v..., vì từ thủ sinh, hoặc vì sinh thủ, nên gọi là thủ uẩn, như cỏ, trấu, lửa, như hoa, quả, cây. Các pháp hữu lậu cũng gọi là hữu tránh. Nghĩa là lập tranh cãi trong phiền não, gọi là Tướng, vì khuấy động phẩm thiện, nên gây tổn hại cho mình, cho người, uẩn và sự tranh cãi cùng có. Hoặc vì tranh cãi, uẩn đều có mà được sinh khởi, nên gọi là hữu tránh.

Ý này hiểu rõ sự tranh cãi với uẩn, không thể thiếu bất cứ một pháp nào mà được sinh. Hoặc giả chỉ rõ danh, tướng hữu lậu khác, nghĩa là hoặc gọi khổ, tức năm thủ uẩn, là chỗ nương tựa của các ép ngặt, vì tự tánh thô, nặng, không yên ổn.

Hoặc gọi là tập, tức vì chủng loại kia có công năng làm nhân, nhóm hợp thành, nghĩa là từ thủ uẩn, lấy uẩn nhóm hợp thành. Hoặc gọi là thế gian do có thể hủy hoại, nên gọi là thế gian. Như Đức Thế tôn nói: Tánh có thể hủy hoại, nên gọi là thế gian, không phải tánh của các Thánh đạo có thể hủy hoại, cũng gọi là thế gian, vì trong Thánh đạo này không có đối trị hủy hoại. Hoặc gọi kiến, xứ, vì tùy miên tùy tăng trong trụ của năm kiến Tát-ca-da, v.v...

Do các kiến đó khi đối với tất cả chủng của các pháp hữu lậu không hề khác nhau. Vì miên tùy tăng chấp chặt không lay động, vì thế, dụng tăng thịnh, nên lại nói riêng. Tham cùng si, nghi thì không như thế, vì tham, v.v... có tất cả chủng, không có tất cả thời, còn tất cả thời của si chẳng phải không có khác nhau. Nghi không có khác nhau mà không chấp chắc. Cho nên, hữu lậu không gọi là xứ kia. Hoặc gọi là ba hữu, vì có nhân, có chỗ dựa thuộc về ba hữu. Nói vân vân là gồm nhiếp danh có nhiễm, v.v... Các loại như thế là pháp hữu lậu, tùy theo nghĩa gọi riêng.

